Số: 606/TB-UBND
Thời gian ký: 2026-09-17T10:13:36+07:00

Phụ lục 2.6

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /9/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
I		**Giáo dục dân tộc**			
1	1	5.003.831	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)	2827/QĐ-BGDĐT	
2	2	5.003.828	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)	2827/QĐ-BGDĐT	
3	3	5.003.830	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú	2827/QĐ-BGDĐT	
4	4	5.003.829	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	2827/QĐ-BGDĐT	
5	5	5.003.827	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	2827/QĐ-BGDĐT	
6	6	6.006.689	Thủ tục chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên	2827/QĐ-BGDĐT	
II		**Giáo dục mầm non**			
7	1	1.008.720	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1823/QĐ-BGDĐT	
III		**Giáo dục nghề nghiệp**			
8	1	2.002.890	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp	1823/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
9	2	1.115.169	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	
10	3	2.002.885	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1181/QĐ-BGDĐT	
11	4	2.002.886	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1181/QĐ-BGDĐT	
12	5	2.002.884	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	1181/QĐ-BGDĐT	
13	6	2.002.889	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	
14	7	2.002.888	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	
15	8	2.002.887	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	2827/QĐ-BGDĐT	
16	9	5.003.835	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2827/QĐ-BGDĐT	
17	10	5.003.833	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2827/QĐ-BGDĐT	
18	11	5.003.836	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2827/QĐ-BGDĐT	
19	12	5.003.834	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2827/QĐ-BGDĐT	
20	13	2.001.959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1674/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
21	14	1.000.482	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục sang trường học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2827/QĐ-BGDĐT	
22	15	2.000.632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	683/QĐ-BGDĐT	
IV		**Giáo dục thường xuyên**			
23	1	1.013.751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	
24	2	1.013.755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	
25	3	5.003.839	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoạt động giáo dục trở lại	2827/QĐ-BGDĐT	
26	4	5.003.845	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	2827/QĐ-BGDĐT	
27	5	1.013.754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	
28	6	5.003.841	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	2827/QĐ-BGDĐT	
29	7	1.013.758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	1181/QĐ-BGDĐT	
30	8	1.012.988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1181/QĐ-BGDĐT	
31	9	5.003.844	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	2827/QĐ-BGDĐT	
32	10	1.013.753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	
33	11	5.003.840	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	2827/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
34	12	1.013.757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	
35	13	3.000.317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1181/QĐ-BGDĐT	
36	14	3.000.315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1181/QĐ-BGDĐT	
37	15	5.003.842	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	2827/QĐ-BGDĐT	
38	16	5.003.838	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	2827/QĐ-BGDĐT	
39	17	6.006.695	Thủ tục đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập "cấp xã	1580/QĐ-BGDĐT	
V		**Giáo dục trung học**			
40	1	1.012.953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1425/QĐ-BGDĐT	
41	2	1.012.956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1425/QĐ-BGDĐT	
42	3	1.012.955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1425/QĐ-BGDĐT	
43	4	1.012.944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1425/QĐ-BGDĐT	
44	5	3.000.181	Tuyển sinh trung học phổ thông	377/QĐ-BGDĐT	
VI		**Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**			
45	1	1.001.714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1693/QĐ-BGDĐT	
46	2	2.002.813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
47	3	1.000.288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1672/QĐ-BGDĐT	
48	4	1.000.280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1672/QĐ-BGDĐT	
49	5	1.000.691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1672/QĐ-BGDĐT	
50	6	5.003.846	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2827/QĐ-BGDĐT	
51	7	1.009.002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	851/QĐ-BGDĐT	
52	8	2.002.593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	98/QĐ-BGDĐT	
53	9	1.014.334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	2624/QĐ-BGDĐT	
54	10	1.014.333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	2624/QĐ-BGDĐT	
55	11	2.002.812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	
56	12	1.002.982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	711/QĐ-BGDĐT	
57	13	2.002.811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	
58	14	6.006.707	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục - đào tạo trong các cơ quan, đơn vị (thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp chính quyền địa phương)	2827/QĐ-BGDĐT	
59	15	1.000.729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	1823/QĐ-BGDĐT	
60	16	2.002.851	Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên học theo chế độ cử tuyển	843/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
61	17	1.115.984	Xóa chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh)	2132/QĐ-BGDĐT	
62	18	1.115.985	Miễn chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh)	2132/QĐ-BGDĐT	
VII		**Giáo dục, đào tạo với nước ngoài**			
63	1	2.000.545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	1181/QĐ-BGDĐT	
64	2	1.008.721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	
65	3	1.008.723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	
66	4	1.013.767	Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	1649/QĐ-BGDĐT	
VIII		**Kiểm định chất lượng giáo dục**			
67	1	1.000.715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1672/QĐ-BGDĐT	
68	2	1.000.713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1672/QĐ-BGDĐT	
69	3	1.000.711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1672/QĐ-BGDĐT	
IX		**Thi, tuyển sinh**			
70	1	1.003.734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	985/QĐ-BGDĐT	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ Công bố	Ghi chú
71	2	1.005.142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	420/QĐ-BGDĐT	
72	3	1.009.394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	985/QĐ-BGDĐT	
73	4	1.005.095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	420/QĐ-BGDĐT	
74	5	1.014.957	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	753.1/QĐ-BKHCN	
75	6	1.013.338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	420/QĐ-BGDĐT	
76	7	1.005.098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	420/QĐ-BGDĐT	
77	8	1.005.090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1693/QĐ-BGDĐT	
X		**Văn bằng, chứng chỉ**			
78	1	3.000.465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	985/QĐ-BGDĐT	
79	2	2.002.850	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	753.1/QĐ-BKHCN	
80	3	3.000.466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	985/QĐ-BGDĐT	
81	4	1.004.889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	2761/QĐ-BGDĐT	

2827